

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 02 tháng 4 năm 2021.

V/v: “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Kiều Công Ích** và ông **Phùng Văn Thị**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vi Thị Năm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Bằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Lê Hồng N** - Sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Mai Thị H** - Sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khu 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Anh N có mặt, chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Lê Hồng N** trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau: Anh và chị **Mai Thị H** tự nguyện kết hôn với nhau ngày 07/3/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Vân, huyện Thanh Ba, khi đó cả hai vợ chồng đều làm công nhân chè P. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại khu 9, xã V, huyện T và chung sống hòa thuận cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, ngoài ra chị **H** còn có biểu hiện quan hệ tình cảm với người khác làm cho vợ chồng luôn xảy ra xích mích, không hòa thuận, cuộc sống vợ chồng không có được hạnh phúc và từ tháng 10/2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc

sống của nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc vì vậy yêu cầu được ly hôn với chị Mai Thị H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Lê Hồng N xác nhận anh và chị Mai Thị H có với nhau 02 con chung là Lê Hồng M; sinh ngày 28/9/2003 và Lê Hồng K; sinh ngày 12/7/2014. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân tháng 10/2019 cho đến nay, thì cả 02 con chung đều do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ở cùng anh tại khu 2, xã V, huyện T. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Lê Hồng N không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là chị Mai Thị H đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án đều vắng mặt mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Mai Thị H vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành được thủ tục hòa giải và quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hồng N và chị Mai Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo anh N trình bày, thì trong thời gian chung sống, do bất đồng về tính cách, quan điểm sống và nghi ngờ tình cảm của nhau nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn xích mích, cuộc sống chung không được hòa thuận hạnh phúc. Do mâu thuẫn bất đồng không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tìm hiểu xác minh tại địa phương nơi anh N, chị H cư trú thì được biết vợ chồng anh N, chị H từ lâu đã không còn sống chung và hiện tại anh N đang là người trực tiếp nuôi cả 02 con.

Như vậy, anh N, chị H đã không còn sống chung để cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cả hai đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân không còn tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của anh N là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh Lê Hồng N và chị Mai Thị H có 02 con chung như đã trình bày ở trên. Kể từ khi anh N, chị H không còn sống chung

cho đến nay thì 02 con chung vẫn do anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ở cùng anh N tại khu 2, xã V, huyện T.

Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế thì chị H vắng mặt, anh N vẫn đang là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con. Do vậy, để cho con chung tiếp tục có cuộc sống ổn định, được học tập, chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ nhất, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của các con chung và cũng là nguyện vọng của con chung nên giao cả 02 con chung cho anh Nghĩa được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H vắng mặt, anh N tự nguyện không yêu cầu vì vậy trong vụ án này không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác, anh Lê Hồng N không yêu cầu giải quyết và cũng do chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là anh Lê Hồng N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N. Về con chung đề nghị giao cho anh N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung sau ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh Lê Hồng N được ly hôn chị Mai Thị H.

- Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Giao cho anh Lê Hồng N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Lê Hồng M; sinh ngày 28/9/2003 và Lê Hồng K; sinh ngày 12/7/2014 (cả 02 con chung đều đang ở với anh N tại khu 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ). Chị Mai Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Anh Lê Hồng N phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Lê Hồng N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số

AA/2020/0001575 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã H, h. T;
- UBND xã V, h. T;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quang Vũ